

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 598/2020/HS-ST

Ngày: 06 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 538/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 592/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2020 đối với:

- Bị cáo:

1. Nguyễn Trọng T (tên gọi khác bí), sinh năm 1987 tại Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: Xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Như trên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ông X, sinh năm 1961 và bà Bà T1, sinh năm 1966; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; vợ Y, sinh năm 1992, có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 04/7/2020, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B - bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Phạm Xuân T2 (tên gọi khác không), sinh năm 1991 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Phường T, thành phố B; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ, sinh năm 1959 và bà U, sinh năm 1963; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1993 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 04/7/2020, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn C, sinh năm 1991

Địa chỉ: phường T, thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng T, Phạm Xuân T2, Lê Văn C - sinh năm 1991 quen biết nhau và đều sử dụng trái phép chất ma túy tổng hợp (hàng đá).

T nảy sinh ý định mua bán ma túy để kiếm lời nên vào khoảng 09 giờ ngày 04-7-2020, T đi đến khu vực công viên 30/4 thuộc phường Tân Biên, thành phố B, mua của người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau đó, T chia gói ma túy trên thành 01 (Một) tép ma túy đựng trong đoạn ống nhựa hàn kín và 01 (Một) gói ma túy gói bằng nylon, cất giấu vào balo của T để bán cho người khác.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, C sử dụng điện thoại có số thuê bao 0979522874 gọi cho T2 theo số thuê bao 0966825817 hỏi mua 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). T2 nói không có ma túy, để T2 hỏi ai có ma túy sẽ lấy bán cho C. Sau đó, T2 đến phòng trọ của anh Nguyễn Thành Đ- sinh năm 1996 ở phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chơi. Tại đây, T2 gặp T, T2 nói T có ma túy thì bán cho C 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). T đồng ý rồi đưa cho T2 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) để T2 bán cho C với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau đó, T2 sử dụng điện thoại di động hiệu Realme gọi điện thoại cho C hẹn đến khu vực thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để thực hiện việc mua bán trái phép ma túy.

Khoảng 22 giờ 25 phút cùng ngày, T2 và C gặp nhau tại địa điểm nêu trên, khi T2 đang cầm 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) trong lòng bàn tay trái chưa kịp bán cho C thì bị Công an phường Phường T phát hiện bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, Công an phường Phường T kiểm tra phòng trọ của anh Đạt, phát hiện bắt giữ T đang cất giấu 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) trong balo của T để bán cho người khác.

Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) đoạn ống nhựa hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm phong có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Trọng T và hình dấu tròn màu đỏ Công an phường Phường T, ký hiệu M1).

- 01 (Một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm phong có chữ ký ghi họ tên Phạm Xuân T2 và hình dấu tròn màu đỏ Công an phường Phường T, ký hiệu M2).

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Realme - số Imel: 860466040960710 của Phạm Xuân T2 dùng để liên lạc mua bán ma túy.

- 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) của Lê Văn C là tiền để mua ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 1373/KLGD-PC09 ngày 09-7-2020 của Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0908gam, loại: Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1542gam, loại: Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 545/CT-VKSBH ngày 28/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố Nguyễn Trọng T và Phạm Xuân T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, T2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 04-7-2020, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Trọng T và Phạm Xuân T2 có hành vi 01 lần bán trái phép 0,1542gam ma túy loại Methamphetamine cho Lê Văn C với giá 300.000đ nhưng chưa kịp giao ma túy thì bị Công an phường Phường T phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, T còn cất giấu 0,0908gam ma túy loại Methamphetamine để bán cho người khác.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ và hoàn toàn đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc sử dụng chất ma túy là nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe con người nhưng để thỏa mãn ham muốn cá nhân để có ma túy sử dụng, các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện việc mua ma túy về bán kiếm lời để có tiền mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Thiết nghĩ, cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm, cách ly các bị

cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án cũng cần như xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với các bị cáo:

Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo T là người trực tiếp đi mua ma túy về, chia nhỏ ra để bán cho con nghiện, T2 chỉ là người bán dùm cho T nên T có vai trò cao hơn bị cáo T2.

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo T từng có thời gian tham gia trong quân đội. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy sau giám định tại gói niêm phong số 1372 ngày 09/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Realme - số Imel: 860466040960710 của Phạm Xuân T2 sử dụng vào việc phạm tội và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) của Lê Văn C sử dụng mua ma túy.

Toàn bộ số vật chứng trên được giao qua Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 000148 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2020.

[4] Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Đối với Lê Văn C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố B đã xử phạt hành chính.

Đối với anh Nguyễn Thành Đ, quá trình điều tra làm rõ anh Đạt không biết việc T và T2 cất giấu, mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) có hành vi bán ma túy cho T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Phạm Xuân T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Trọng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Phạm Xuân T2 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy sau giám định tại gói niêm phong số 1372 ngày 09/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Realme - số Imel: 860466040960710 của Phạm Xuân T2 và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) của anh Lê Văn C.

Toàn bộ số vật chứng trên được giao qua Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 000148 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2020.

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

